

Bản án số: **29/2017/HSPT**

Ngày 31/7/2017

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH TUYÊN QUANG
Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông **Nguyễn Minh Hùng**

- *Các Thẩm phán:* 1. Ông **Hà Văn Chương**

2. Bà **Nguyễn Thanh Hương**

- *Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa:* Bà **Nguyễn Thị Huyền Trang** - Cán bộ Tòa án nhân dân tỉnh Tuyên Quang.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tuyên Quang tham gia phiên tòa:* Ông **Phạm Văn Đồng** - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 7 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tuyên Quang xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 26/2017/HSPT ngày 10 tháng 5 năm 2017 đối với bị cáo Nguyễn Lê Thanh B do có kháng cáo của bị cáo đối với bản án hình sự sơ thẩm số 12/2017/HSST ngày 28/3/2017 của Tòa án nhân dân huyện SD, tỉnh Tuyên Quang.

** Bị cáo có kháng cáo:* **Nguyễn Lê Thanh B**, sinh ngày 11/9/1992.

Trú tại: Thôn T, xã P, huyện SD, tỉnh Tuyên Quang; dân tộc: Kinh; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ học vấn: 09/12; con ông Nguyễn Văn Y, sinh năm 1968 và bà Lê Thị H, sinh năm 1971; vợ Luân Thị H, sinh năm 1992; con: Có 02 con, con lớn sinh năm 2013, con nhỏ sinh năm 2015.

Tiền án, tiền sự: Không;

Nhân thân: Tại bản án hình sự phúc thẩm số 84/2010/HSPT ngày 20/12/2010 của Tòa án nhân dân tỉnh Tuyên Quang xử phạt Nguyễn Lê Thanh B 04 (bốn) tháng tù về tội Trộm cắp tài sản; ngày 16/02/2011 thi hành xong án phí hình sự sơ thẩm, ngày 12/01/2012 thi hành xong hình phạt tù.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 21/01/2017, hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Tuyên Quang. *(Có mặt).*

Người bị hại (Không kháng cáo):* Bà **Vũ Thị N, sinh năm 1976.

Trú tại: Xã P, huyện SD, tỉnh Tuyên Quang *(Có mặt).*

Ngoài ra trong vụ án còn có 02 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không

có kháng cáo và không bị kháng cáo, kháng nghị Tòa án không triệu tập.

NHẬN THẤY:

Khoảng 06 giờ ngày 30/11/2016, Nguyễn Lê Thanh B một mình đến nhà bà Vũ Thị N (cùng thôn) mục đích để trộm cắp tài sản. Khoảng 08 giờ cùng ngày, B trèo qua tường rào xây rồi đi vào bếp nhà chị N trộm cắp 01 chiếc xe mô tô Honda Air Blade, biển kiểm soát 22S1-171.16 (*Có chìa khóa cắm ở ổ khóa điện của xe, trong cốp xe có 01 đăng ký xe*). B dắt xe ra ngoài và điều khiển đến km 11 quốc lộ 2 đường Tuyên Quang đi Hà Nội rồi gọi điện nhờ Trần Ngọc G, sinh năm 1995, trú tại thôn K, xã Đ, thành phố TQ đem xe đi bán. G bảo B mang xe đến bán cho Nguyễn Văn H, sinh năm 1974, trú tại: Thôn C, xã L, thành phố TQ, tỉnh Tuyên Quang. Khi đến nhà Nguyễn Văn H, B hỏi H: “*Có mua xe không ?*”, H hỏi: “*Xe có giấy tờ không ?*”, B nói xe của B mới mua của bà Vũ Thị N và đưa giấy đăng ký xe cho H xem, H đồng ý mua chiếc xe. B trực tiếp viết giấy mua bán, tặng cho chiếc xe với giá 20.000.000 đồng (*hai mươi triệu đồng*) đưa cho anh H giữ và nhận tiền của anh H đưa cho đem đi chi tiêu cá nhân hết. Sau khi phát hiện xe mô tô bị trộm cắp, bà N đã báo Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện SD để điều tra làm rõ vụ việc.

Tại thông báo kết luận số 110 ngày 28/12/2016 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện SD, căn cứ đánh giá chất lượng còn lại và giá trị tài sản theo hồ sơ, tài liệu liên quan, kết luận: Xe mô tô Air Blade nhãn hiệu Honda, biển kiểm soát 22S1-171.16 chất lượng còn lại 80%, tại thời điểm bị chiếm đoạt trị giá 30.400.000 đồng (*ba mươi triệu bốn trăm nghìn đồng*).

Tại bản án hình sự sơ thẩm số 12/2017/HSST ngày 28/3/2017 của Tòa án nhân dân huyện SD, tỉnh Tuyên Quang đã quyết định:

Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Lê Thanh B phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Áp dụng: Khoản 1 Điều 138; điểm p khoản 1 Điều 46; Điều 33 Bộ luật Hình sự:

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Lê Thanh B 01 (*một*) năm 06 (*sáu*) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giam 21/01/2017.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn quyết định về bồi thường dân sự, xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo theo luật định.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 11/4/2017 bị cáo Nguyễn Lê Thanh B kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt. Tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo thay đổi nội dung kháng cáo kêu oan.

Kết thúc phần xét hỏi, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tuyên Quang giữ quyền công tố phát biểu quan điểm luận tội và tranh luận:

Về thủ tục kháng cáo: Đơn kháng cáo của bị cáo là hợp lệ, đúng trình tự, thủ

tục tố tụng. Về tội danh: Theo nội dung đơn kháng cáo bị cáo B kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt. Tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo B thay đổi nội dung đơn kháng cáo kêu oan. Nhưng căn cứ vào lời khai của bị cáo, người bị hại tại cơ quan điều tra, tại phiên tòa sơ thẩm, phúc thẩm và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án có đủ căn cứ quy kết bị cáo Nguyễn Lê Thanh B phạm tội Trộm cắp tài sản như bản án hình sự sơ thẩm đã tuyên là đúng người, đúng tội có căn cứ, không oan. Tại giai đoạn phúc thẩm bị cáo không xuất trình thêm tài liệu, chứng cứ mới làm căn cứ chấp nhận nội dung kháng cáo của bị cáo. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm a khoản 2 Điều 248 Bộ luật Tố tụng hình sự, không chấp nhận kháng cáo của bị cáo, giữ nguyên quyết định của bản án hình sự sơ thẩm đã tuyên. Bị cáo phải chịu án phí hình sự phúc thẩm theo quy định.

Ý kiến tranh luận của bị cáo: Không nhất trí với quan điểm luận tội của Viện kiểm sát; đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, minh oan cho bị cáo vì bị cáo không thực hiện hành vi trộm cắp chiếc xe mô tô của bà Vũ Thị N.

Ý kiến tranh luận của bị hại Vũ Thị N: Hoàn toàn nhất trí với quan điểm luận tội của đại diện Viện kiểm sát; bị cáo B không thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; đề nghị xử phạt bị cáo B về tội Trộm cắp tài sản như bản án sơ thẩm đã tuyên để bị cáo có thời gian cải tạo, sớm trở thành công dân tốt, có ích cho gia đình và xã hội.

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa phúc thẩm, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, tài liệu, chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác; Hội đồng xét xử nhận định.

XÉT THẤY:

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Nguyễn Lê Thanh B thay đổi toàn bộ đơn kháng cáo từ nội dung xin giảm nhẹ hình phạt sang nội dung kháng cáo kêu oan, không thừa nhận lời khai nhận tội tại cơ quan điều tra và lời khai nhận tội tại phiên tòa sơ thẩm. Bị cáo đưa ra lời khai nại rằng: Bị cáo có quan hệ gia đình với bà N, ông V là bác ruột của bị cáo, trước ngày bị cáo lấy chiếc xe mô tô của bà N, bị cáo có ăn cơm uống rượu với ông V và ông V đã hứa cho bị cáo chiếc xe mô tô Air Blade nhãn hiệu Honda, biển kiểm soát 22S1-171.16. Do đó, ngày 30/11/2016 bị cáo đã đến nhà bà N để lấy xe. Khi đến nhà bà N, thấy bà N đang tưới rau trong vườn ở cạnh nhà, bị cáo có chào hỏi bà N để lấy xe và được bà N đồng ý, nên bị cáo đã vào nhà lấy chiếc xe mô tô mang đến nhà anh Nguyễn Văn H, trú tại thôn C, xã L, thành phố TQ để bán lấy số tiền 20.000.000 đồng, nhằm chi tiêu cá nhân. Bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Sơn Dương đã xử phạt bị cáo 01 năm 06 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản là oan sai, không có căn cứ. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, minh oan cho bị cáo.

Xét nội dung đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và nội dung thay đổi đơn kháng cáo kêu oan của bị cáo tại phiên tòa, Hội đồng xét xử thấy rằng:

Khoảng 08 giờ 00 phút ngày 30/11/2016, tại thôn T, xã P, huyện SD, tỉnh Tuyên Quang; gia đình bà N có để 01 chiếc xe mô tô Honda Air Blade biển kiểm soát 22S1-171.16 tại gian nhà bếp. Bà N khóa cửa nhà đi sang nhà mẹ để có chút việc trong khoảng thời gian 15 phút, khi quay về thì phát hiện nhà bếp bị kẻ gian phá then chốt khóa cửa lấy trộm một chiếc xe mô tô Honda Air Blade biển kiểm soát 22S1-171.16, bà đã báo ngay cho Cơ quan Công an đến giải quyết vụ việc.

Vào hồi 10 giờ ngày 30/11/2016 cùng ngày, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện SD đã tiến hành lập Biên bản hiện trường xảy ra vụ án theo quy định.

Ngày 11/01/2017, Cơ quan điều tra công an huyện SD đã ra quyết định khởi tố vụ án và ngày 21/01/2017 đã ra quyết định khởi tố bị can Nguyễn Lê Thanh B về hành vi trộm cắp tài sản, đồng thời ra Lệnh bắt tạm giam đối với bị can.

Trong quá trình điều tra bị cáo Nguyễn Lê Thanh B khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình đã thực hiện hành vi trộm cắp chiếc xe mô tô Honda Air Blade biển kiểm soát 22S1-171.16 của bà N mang đi bán cho anh Nguyễn Văn H, trú tại thôn C, xã L, thành phố TQ, tỉnh Tuyên Quang lấy số tiền 20.000.000 đ. Khi bán xe cho anh H, bị cáo tự viết 01 giấy Mua bán, tặng cho xe với nội dung: *“Bên bán: Nguyễn Lê Thanh B, bên mua Nguyễn Văn H...Đồng ý bán đứt cho bên mua chiếc xe Air Blade có đặc điểm, biển số 22S1-171.16 nhãn hiệu Hon Da, màu sơn vàng đen...Đăng ký xe đứng tên Vũ Thị N và nhận đủ số tiền theo thỏa thuận. Chiếc xe trên tôi mua lại của Vũ Thị N...”*. Đồng thời bị cáo B tự viết thêm 01 giấy vay tiền với nội dung: *“Hôm nay ngày 30 tháng 11 năm 2016. Tên tôi là Nguyễn Lê Thanh B, sinh năm 1992...Có vay của anh Nguyễn Văn H số tiền 20.000.000 đồng...Tôi có để lại 01 chiếc xe Air Blade màu vàng đen, BKS 22S1-171.16 và 01 đăng ký xe mang tên Vũ Thị N SN 1976, xe tôi mua lại, nay tôi nhượng lại, tôi giao xe và đăng ký xe như đã thỏa thuận. Tôi xin cam đoan chiếc xe trên là của tôi, không có tranh chấp, trộm cắp hoặc lừa đảo của ai...”*. Toàn bộ số tiền 20.000.000 đồng bị cáo đã chi tiêu cá nhân hết.

Tại phiên tòa sơ thẩm bị cáo tiếp tục khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình và trong hạn luật định bị cáo đã có đơn kháng cáo với nội dung xin giảm nhẹ hình phạt.

Tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo thay đổi toàn bộ nội dung đơn kháng cáo, kêu oan và cho rằng bị cáo không phạm tội Trộm cắp tài sản.

Nhưng căn cứ vào lời khai của bị hại Vũ Thị N tại cơ quan điều tra, cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, phúc thẩm bà N đều khẳng định: Chiếc xe mô tô Honda Air Blade biển kiểm soát 22S1-171.16 do bà làm chủ sở hữu vào khoảng 08 giờ ngày 30/11/2016 khi bà đi sang nhà mẹ để có chút việc, khoảng 15 phút quay về thì phát hiện kẻ gian phá then chốt khóa cửa nhà bếp lấy mất chiếc xe, bà đã báo ngay Công an đến làm việc. Đến

ngày 29/12/2016 bà biết được thông tin Nguyễn Lê Thanh B lấy trộm chiếc xe này mang bán cho anh Nguyễn Văn H, trú tại thôn C, xã L, thành phố TQ, tỉnh Tuyên Quang sử dụng, nên bà đã chủ động đến nhà anh H để chuộc lại xe với giá 23.000.000 đồng, hiện bà đã lấy lại được chiếc xe và đề nghị bị cáo phải trả lại cho bà số tiền 23.000.000 đồng như bản án sơ thẩm đã tuyên. Lời khai của ông Lê Hồng V (Chồng bà N) tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa phúc thẩm cũng khẳng định: Chiếc xe mô tô Honda Air Blade biển kiểm soát 22S1-171.16 là tài sản của gia đình ông mua về để phục vụ đi lại, ngày 29 và ngày 30/11/2016 ông ở Bệnh viện chăm sóc bố của ông bị ốm; sáng 30/11/2016 vợ ông là bà N có điện thoại báo cho ông là xe bị mất trộm. Ông và vợ ông không cho hoặc bán chiếc xe trên cho bất cứ ai, mà do bị cáo B trộm cắp đem đi bán; đề nghị Tòa xét xử nghiêm đối với bị cáo và buộc bị cáo phải trả lại số tiền cho gia đình ông như bản án sơ thẩm đã tuyên.

Lời khai của người bị hại tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa sơ thẩm, phúc thẩm hoàn toàn phù hợp với lời khai nhận tội của bị cáo tại Cơ quan điều tra Công an huyện SD; phù hợp với lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa sơ thẩm; phù hợp với Biên bản khám nghiệm hiện trường, Biên bản xác minh hiện trường, Bản ảnh hiện trường và các chứng cứ, tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án. Do vậy, có đủ căn cứ quy kết: Khoảng 08 giờ 00 phút ngày 30/11/2016, tại thôn T, xã P, huyện SD, tỉnh Tuyên Quang bị cáo Nguyễn Lê Thanh B đã thực hiện hành vi trộm cắp 01 chiếc xe mô tô Honda Air Blade biển kiểm soát 22S1-171.16 của bà Vũ Thị N với giá trị tài sản theo định giá là 30.400.000 đồng.

Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, gây mất an ninh trật tự, an toàn xã hội tại địa phương. Bản án hình sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện SD đã xem xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội và nhân thân của bị cáo đã một lần bị kết án về tội cùng tính chất “Trộm cắp tài sản” và áp dụng các tình tiết giảm nhẹ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải theo quy định tại điểm p khoản 1 Điều 46 Bộ luật Hình sự để xử phạt bị cáo 01 năm 06 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản là đúng người, đúng tội, đúng quy định, không oan sai.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo không xuất trình được tài liệu, chứng cứ là tình tiết mới làm căn cứ để Hội đồng xét xử xem xét kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt cũng như kháng cáo kêu oan của bị cáo. Do vậy, không chấp nhận kháng cáo của bị cáo, cần giữ nguyên quyết định của bản án hình sự sơ thẩm, theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 248 Bộ luật Tố tụng hình sự, như đề nghị của Viện kiểm sát tại phiên tòa.

Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có

hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lý do trên;

Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 248 Bộ luật Tố tụng hình sự;

QUYẾT ĐỊNH:

Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn Lê Thanh B, giữ nguyên quyết định của bản án hình sự sơ thẩm số 12/2017/HSST ngày 28/3/2017 của Tòa án nhân dân huyện SD, tỉnh Tuyên Quang như sau:

Áp dụng: Khoản 1 Điều 138; điểm p khoản 1 Điều 46; Điều 33 Bộ luật Hình sự:

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Lê Thanh B 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giam 21/01/2017.

Về án phí: Bị cáo Nguyễn Lê Thanh B phải chịu 200.000 đồng (*Hai trăm nghìn đồng*) tiền án phí hình sự phúc thẩm.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Tuyên Quang;
- Phòng hồ sơ nghiệp vụ CA tỉnh T.Quang;
- Trại tạm giam CA tỉnh T.Quang;
- Tòa án nhân dân huyện SD;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện SD;
- Công an huyện SD;
- Bị cáo; người bị hại;
- Lưu HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Nguyễn Minh Hùng

